

Số: ~~2024~~ /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày ~~17~~ tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án tỉnh giảm biên chế năm 2022 của UBND thị xã Đức Phổ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ và Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 01/2015/TTLT-BNV-BTC ngày 14/4/2015 của liên Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Chủ tịch UBND thị xã Đức Phổ tại Tờ trình số 154/TTr-UBND ngày 07/10/2021 và đề xuất của Giám đốc Sở Nội vụ tại Công văn số 2835/SNV-TCBC ngày 10/12/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Đề án tỉnh giảm biên chế năm 2022 của UBND thị xã Đức Phổ.

Điều 2. Chủ tịch UBND thị xã Đức Phổ chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Đề án đạt hiệu quả và tập hợp hồ sơ, lập danh sách dự toán kinh phí chi trả cho đối tượng được tinh giản biên chế theo đúng quy định, trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt kinh phí chi trả cho các đối tượng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính; Chủ tịch UBND thị xã Đức Phổ và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Bảo hiểm xã hội tỉnh;
- VPUB: KGVX, CBTH;
- Lưu: VT, NCvi999.



CHỦ TỊCH

Đặng Văn Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ ÁN

**Thực hiện chính sách tinh giản biên chế năm 2022
của UBND thị xã Đức Phổ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~2024~~ **2021** QĐ-UBND ngày ~~17~~ **17**/12/2021
của Chủ tịch UBND tỉnh)

Phần I

ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH, MỤC ĐÍCH YÊU CẦU VÀ NGUYÊN TẮC TÍNH GIẢN BIÊN CHẾ

I. Đặc điểm tình hình

Đức Phổ là thị xã ven biển nằm ở phía Nam tỉnh Quảng Ngãi, phía Bắc giáp huyện Mộ Đức và huyện Nghĩa Hành, phía Tây giáp huyện Ba Tơ, phía Nam giáp thị xã Hoài Nhơn và huyện An Lão (*tỉnh Bình Định*), phía Đông giáp biển đông; có 15 đơn vị hành chính gồm 07 xã và 08 phường, với diện tích tự nhiên khoảng 372,76 km², dân số trung bình hiện nay khoảng 150.927 người. Thị xã Đức Phổ có vị trí đặc biệt quan trọng, thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội: cách cảng Dung Quất khoảng 80km, cách sân bay Chu Lai khoảng 90km về phía Bắc và sân bay Phù Cát khoảng 100km về phía Nam; có tuyến đường sắt Bắc - Nam, Quốc lộ 1, Quốc lộ 24 và tuyến đường ven biển (*Dung Quất - Sa Huỳnh*), có 02 cửa biển Mỹ Á, Sa Huỳnh... là những điều kiện đặc biệt quan trọng, làm động lực cho việc hội nhập phát triển kinh tế - xã hội. Bên cạnh đó, thị xã còn có vị trí quan trọng về an ninh, quốc phòng, bảo vệ chủ quyền Quốc gia đối với biển, đảo của Tổ quốc.

Tổ chức bộ máy của Ủy ban nhân dân thị xã gồm:

1. Lãnh đạo Ủy ban nhân dân thị xã

Chủ tịch và Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã.

2. Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ

a) Khối hành chính gồm 10 cơ quan chuyên môn:

- Văn phòng thị xã;
- Thanh tra;
- Phòng Tư pháp;
- Cơ quan Tổ chức - Nội vụ;
- Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường;

- Phòng Y tế;
- Phòng Văn hóa và Thông tin;
- Phòng Giáo dục và Đào tạo;
- Phòng Kinh tế;
- Phòng Quản lý đô thị;
- Phòng Tài chính – Kế hoạch.

b) Các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND thị xã:

- Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp;
- Trung tâm Truyền thông – Văn hóa – Thể thao;
- Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất;

** Sự nghiệp giáo dục và đào tạo:*

- 15 trường mầm non;
- 14 trường tiểu học;
- 12 trường trung học cơ sở;
- 03 trường tiểu học và trung học cơ sở;
- 01 Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên.

c) Đơn vị hành chính cấp xã: Gồm 07 xã và 08 phường.

II. Mục đích, yêu cầu và nguyên tắc tinh giản biên chế

1. Mục đích và yêu cầu

a) Nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, người làm việc có đủ phẩm chất chính trị, đạo đức, trình độ và năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao; góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, số lượng người làm việc tinh gọn, trách nhiệm, năng động, minh bạch, hiệu quả.

b) Thực hiện chính sách tinh giản biên chế trên cơ sở rà soát, sắp xếp lại cơ cấu tổ chức bộ máy; đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, số lượng người làm việc gắn với việc xây dựng Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu số lượng người làm việc theo chức danh nghề nghiệp trong cơ quan, đơn vị, địa phương.

2. Nguyên tắc tinh giản biên chế

a) Đảm bảo tập trung dân chủ, khách quan, công khai, minh bạch và theo quy định của pháp luật; thực hiện chi trả chế độ, chính sách tinh giản biên chế kịp thời, đầy đủ và đúng theo quy định của pháp luật;

b) Không làm ảnh hưởng, xáo trộn lớn đến tư tưởng, đời sống của cán bộ, công chức, số lượng người làm việc; không áp dụng chính sách tinh giản

biên chế đối với những người vì lý do cá nhân xin được vận dụng chính sách tinh giản biên chế;

c) Người đứng đầu cơ quan, đơn vị từng cấp phải chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện tinh giản biên chế trong cơ quan, đơn vị mình quản lý theo thẩm quyền.

Phần II

CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

- Nghị định số 06/2010/NĐ-CP ngày 25/01/2010 của Chính phủ quy định những người là công chức;

- Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn;

- Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố;

- Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ và Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ;

- Thông tư Liên tịch số 01/2015/TTLT-BNV-BTC ngày 14/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ;

- Kế hoạch số 82/KH-UBND ngày 04/6/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc thực hiện Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 24/01/2018 của Chính phủ, Kế hoạch số 126-KH/TU ngày 05/4/2018 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 19 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương khóa XII;

- Kế hoạch số 83/KH-UBND ngày 04/6/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc thực hiện Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 03/02/2018 của Chính

phủ, Kế hoạch số 125-KH/TU ngày 05/4/2018 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 18 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương khóa XII;

- Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 22/8/2017 của UBND tỉnh Ban hành Kế hoạch tỉnh giảm biên chế khối Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2018-2021;

- Công văn số 4126/BNV-TCBC ngày 24/8/2021 của Bộ Nội vụ về việc xác định độ tuổi hưởng chính sách về hưu trước tuổi quy định tại Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020 của Chính phủ.

Phần III

TÌNH GIẢM BIÊN CHẾ

I. Thực trạng biên chế, trình độ chuyên môn của cán bộ, công chức, viên chức thuộc các cơ quan, đơn vị thuộc UBND thị xã

1. Về thực trạng biên chế

a) Biên chế hành chính

Tổng biên chế hành chính được giao là 62 chỉ tiêu, đến nay đã thực hiện 61 biên chế. Trong đó lãnh đạo Thường trực HĐND, các Ban của HĐND thị xã và lãnh đạo UBND thị xã 05 biên chế, công chức các phòng, ban trực thuộc là 56 biên chế, cụ thể:

- Thường trực HĐND:	01 biên chế;
- Ban của HĐND (<i>Ban KT-XH</i>):	01 biên chế;
- Lãnh đạo UBND:	03 biên chế;
- Phòng Tài chính – Kế hoạch:	07 biên chế;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường:	07 biên chế;
- Phòng Quản lý đô thị:	06 biên chế;
- Phòng Giáo dục và Đào tạo:	06 biên chế;
- Phòng Y tế:	02 biên chế;
- Phòng Văn hóa và Thông tin:	04 biên chế;
- Phòng Kinh tế:	08 biên chế;
- Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội:	07 biên chế;
- Phòng Tư pháp:	03 biên chế;
- Thanh tra:	04 biên chế ;
- Công chức được điều động, luân chuyển về cấp xã công tác và giao cho UBND cấp xã chi trả lương:	02 biên chế.

b) Số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp

Tổng số lượng người làm việc được giao 1.571 chỉ tiêu, đến nay đã thực hiện được 1.235 biên chế, trong đó:

- | | |
|----------------------------------|-----------------|
| + Sự nghiệp Văn hóa | 11 biên chế; |
| + Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo: | 1.210 biên chế; |
| + Sự nghiệp khác: | 14 biên chế; |

c) Cán bộ, công chức cấp xã

- Định mức biên chế:

+ Theo quy định tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ là 321 người.

- Số lượng biên chế hiện có mặt đến ngày 15/9/2021: 301 người, trong đó: Cán bộ 154; công chức 147.

2. Về trình độ chuyên môn

a) Khối hành chính:

Tổng số cán bộ, công chức hiện có là 61 người, trong đó:

- + Thạc sĩ: 17 người, chiếm tỷ lệ 30%;
- + Đại học: 43 người, chiếm tỷ lệ 68,33%;
- + Cao đẳng: 01 người, chiếm tỷ lệ 1,67%;

b) Khối sự nghiệp

Tổng số viên chức hiện có là 1.235 người, trong đó:

- + Thạc sĩ: 09 người, chiếm tỷ lệ 0,72%;
- + Đại học: 713 người, chiếm tỷ lệ 57,73%;
- + Cao đẳng: 376 người, chiếm tỷ lệ 30,45%;
- + Trung cấp: 137 người, chiếm tỷ lệ 11,10%.

c) Khối xã, thị trấn

- Cán bộ: 154 người, trong đó:

- + Thạc sĩ: 03 người, tỷ lệ 1,95%;
- + Đại học: 128 người, tỷ lệ 83,11 %;
- + Cao đẳng: 06 người, tỷ lệ 3,90%;
- + Trung cấp: 16 người, tỷ lệ 10,39%;

+ Chưa qua đào tạo: 01 người, tỷ lệ 0,65%.

- Công chức: 147 người, trong đó:

+ Đại học: 115 người, tỷ lệ 78,24%;

+ Cao đẳng: 07 người, tỷ lệ 4,76%;

+ Trung cấp: 25 người, tỷ lệ 17%.

II. XÁC ĐỊNH ĐỐI TƯỢNG TÍNH GIẢN BIÊN CHẾ

1. Những người thuộc diện dôi dư do rà soát, sắp xếp lại tổ chức bộ máy các phòng chuyên môn nghiệp vụ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước, không còn phù hợp với vị trí việc làm mới.

2. Dôi dư do cơ cấu lại cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm, nhưng không thể bố trí, sắp xếp được việc làm khác.

3. Chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm, nhưng không có vị trí việc làm khác phù hợp để bố trí và không thể bố trí đào tạo lại để chuẩn hóa về chuyên môn, nghiệp vụ hoặc được cơ quan bố trí việc làm khác, cá nhân tự nguyện thực hiện tính giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý.

4. Có chuyên ngành đào tạo không phù hợp với vị trí việc làm hiện đang đảm nhiệm nên không hoàn thành nhiệm vụ được giao, nhưng không thể bố trí việc làm khác hoặc được cơ quan bố trí việc làm khác nhưng cá nhân tự nguyện thực hiện tính giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý.

5. Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tính giản biên chế, cán bộ, công chức có 01 năm được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp hoặc không hoàn thành nhiệm vụ trong năm trước liền kề tại thời điểm xét tính giản biên chế nhưng cá nhân tự nguyện thực hiện tính giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý.

6. Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tính giản biên chế, viên chức có 01 năm được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp hoặc không hoàn thành nhiệm vụ trong năm trước liền kề tại thời điểm xét tính giản biên chế nhưng cá nhân tự nguyện thực hiện tính giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý;

7. Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tính giản biên chế mà trong từng năm đều có tổng số ngày nghỉ làm việc bằng hoặc cao hơn số ngày nghỉ tối đa do ốm đau theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Luật bảo hiểm xã hội,

có xác nhận của cơ sở khám chữa bệnh và của cơ quan Bảo hiểm xã hội chi trả trợ cấp ốm đau theo quy định của pháp luật hoặc trong năm trước liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế có tổng số ngày nghỉ làm việc bằng hoặc cao hơn số ngày nghỉ tối đa do ốm đau theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Luật bảo hiểm xã hội, có xác nhận của cơ sở khám chữa bệnh và của cơ quan Bảo hiểm xã hội chi trả trợ cấp ốm đau theo quy định của pháp luật nhưng cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý.

8. Cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý thôi giữ chức vụ do sắp xếp tổ chức bộ máy theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý.

III. KẾ HOẠCH TÌNH GIẢN BIÊN CHẾ

Căn cứ vào thực trạng và rà soát về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế công chức, số lượng người làm việc, cơ cấu, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của UBND thị xã Đức Phổ, xác định kế hoạch thực hiện việc tinh giản biên chế như sau:

Trong năm 2022, có 10 viên chức sự nghiệp (*số lượng người làm việc*) thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 (*được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 113/NĐ/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 và Nghị định 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020 của Chính phủ*),

(Có Danh sách kèm theo)

IV. QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG BIÊN CHẾ ĐÃ THỰC HIỆN TÌNH GIẢN

UBND thị xã Đức Phổ được sử dụng tối đa 50% số biên chế đã thực hiện tinh giản theo Đề án này để tuyển dụng, tiếp nhận mới công chức, số lượng người làm việc theo quy định.

Phần IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao Chủ tịch UBND thị xã Đức Phổ chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Đề án đạt hiệu quả; tiến hành lập hồ sơ, danh sách và dự toán số tiền trợ cấp cụ thể cho đối tượng tinh giản biên chế theo quy định, gửi Sở Nội vụ thẩm định đối tượng và Sở Tài chính thẩm định kinh phí trình UBND tỉnh phê duyệt, chi trả trợ cấp cho đối tượng được hưởng chính sách tinh giản biên chế theo quy định.

2. Định kỳ vào ngày 15/12 hàng năm, UBND thị xã Đức Phổ chịu trách nhiệm tổng hợp kết quả, đánh giá tình hình thực hiện tinh giản biên chế của địa phương, báo cáo cho UBND tỉnh (*qua Sở Nội vụ*).

DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TÌNH GIẢN BIÊN CHẾ NĂM 2022 CỦA UBND THỊ XÃ ĐỨC PHỐ
(Kèm theo Quyết định số **2024/QĐ-UBND** ngày **7/12/2021** của Chủ tịch UBND tỉnh)



TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn và chuyên ngành được đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhận	Số năm đóng BHXH	Tuổi khi giải quyết tình giản biên chế	Thời điểm tình giản biên chế	Lý do tình giản biên chế
I	KHỎI SỰ NGHIỆP							
*	Nghỉ hưu trước tuổi							
	<i>Trường Trung học cơ sở Phổ Cường</i>							
1	Nguyễn Mậu	02/7/1966	Đại học sư phạm Toán học	Giáo viên (Tổ trưởng)	34 năm 8 tháng	55 tuổi 10 tháng	01/6/2022	Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tình giản biên chế, viên chức có 01 năm được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp nhưng cả nhân tự nguyện thực hiện tình giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý
	<i>Trường Trung học cơ sở Phổ Phong</i>							
2	Ngô Thanh Long	28/02/1965	Cao đẳng sư phạm Lý - KTCN	Giáo viên	34 năm 7 tháng	57 tuổi 01 tháng	01/4/2022	Chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm (<i>Điều 72 của Luật giáo dục số 43/2019/QH14</i>) nhưng không có vị trí việc làm khác phù hợp để bố trí và không thể bố trí đào tạo lại để chuẩn hóa về chuyên môn, nghiệp vụ và cả nhân tự nguyện thực hiện tình giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý

[illegible]

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn và chuyên ngành được đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhận	Số năm đóng BHXH	Tuổi khi giải quyết tình gián biên chế	Thời điểm tình gián biên chế	Lý do tình gián biên chế
6	Đoàn Thị Thủy Phương	16/3/1969	Cao đẳng sư phạm ban Văn	Giáo viên (Tổ phó)	30 năm 4 tháng	52 tuổi 9 tháng	01/01/2022	Chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm (<i>Điều 72 của Luật giáo dục số 43/2019/QH14</i>) nhưng không có vị trí việc làm khác phù hợp để bố trí và không thể bố trí đào tạo lại để chuẩn hóa về chuyên môn, nghiệp vụ và cá nhân tự nguyện thực hiện tình gián biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý
	<i>Trường Tiểu học Phố Quang</i>							
7	Huỳnh Thị Tâm	05/02/1969	Cao đẳng Giáo dục tiểu học	Giáo viên	33 năm 4 tháng	52 tuổi 10 tháng	01/01/2022	Chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm (<i>Điều 72 của Luật giáo dục số 43/2019/QH14</i>) nhưng không có vị trí việc làm khác phù hợp để bố trí và không thể bố trí đào tạo lại để chuẩn hóa về chuyên môn, nghiệp vụ và cá nhân tự nguyện thực hiện tình gián biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý
	<i>Trường Tiểu học Phố Khánh</i>							
8	Hoàng Thị Ánh Tuyết	12/02/1969	Cao đẳng sư phạm tiểu học	Giáo viên (Tổ phó)	32 năm 8 tháng	53 tuổi 3 tháng	01/6/2022	Chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm (<i>Điều 72 của Luật giáo dục số 43/2019/QH14</i>) nhưng không có vị trí việc làm khác phù hợp để bố trí và không thể bố trí đào tạo lại để chuẩn hóa về chuyên môn, nghiệp vụ và cá nhân tự nguyện thực hiện tình gián biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý
	<i>Trường Tiểu học Phố Phong</i>							

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn và chuyên ngành được đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhận	Số năm đóng BHXH	Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Thời điểm tinh giản biên chế	Lý do tinh giản biên chế
9	Võ Sáu	28/9/1966	Cao đẳng sư phạm Tiếng Nga	Giáo viên	31 năm 8 tháng	55 tuổi 8 tháng	01/6/2022	Chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm (Điều 72 của Luật giáo dục số 43/2019/QH14) nhưng không có vị trí việc làm khác phù hợp để bố trí và không thể bố trí đào tạo lại để chuẩn hóa về chuyên môn, nghiệp vụ và cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý
	Trường Mầm non Nguyễn Nghiêm							
10	Nguyễn Thị Diệu Huyền	21/11/1968	Đại học Sư phạm Giáo dục mầm non	Giáo viên	25 năm 8 tháng	53 tuổi 6 tháng	01/6/2022	Năm học 2020-2021 xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ nhưng cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế, được cơ quan trực tiếp quản lý đồng ý

(Danh sách này có 10 người)./.